

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 126/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 19-10-2018

V/v: “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Kim Trường Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Từ Xuân Tiếng.

2. Bà Phạm Thị Thu Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Như Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Mỹ Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 347/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2018 về việc: “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Tuyết T, sinh năm 1993. Có mặt.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Ông Phan Điền T1, sinh năm 1983. Vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/7/2018, bản tự khai, các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Tuyết T trình bày:

Về hôn nhân: Bà Trần Thị Tuyết T và ông Phan Điền T1 tự nguyện kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thanh, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 06/7/2015. Bà T và ông T1 sống chung hạnh phúc thời gian đầu đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau do ông T1 cờ bạc, không lo làm ăn, nhậu nhẹt về hay đánh bà T; vợ chồng không còn sống chung từ tháng 05/2018 cho đến nay. Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn với ông T1 nên bà T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông T1.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã triệu tập hợp lệ nhiều lần bị đơn ông Phan Điền T1 để tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T1 vắng mặt không lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến hay yêu cầu của ông T1 và không tiến hành hòa giải được.

Về con chung: Bà Trần Thị Tuyết T khai có một con chung tên là Phan Trung H, sinh ngày 03/11/2015; bà T yêu cầu là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phan Trung H và không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Trần Thị Tuyết T khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Trần Thị Tuyết T không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn bà Trần Thị Tuyết T thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn ông Phan Điền T1 chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Tuyết T về việc ly hôn với ông Phan Điền T1.

- Về con chung: Giao cho bà Trần Thị Tuyết T là người trực tiếp nuôi con chung tên là Phan Trung H, sinh ngày 03/11/2015. Ghi nhận bà Trần Thị Tuyết T không yêu cầu ông Phan Điền T1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Trần Thị Tuyết T khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Trần Thị Tuyết T không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Bà Trần Thị Tuyết T khởi kiện ông Phan Điền T1. Hiện nay, ông Phan Điền T1, sinh năm 1983; cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Ông Phan Điền T1 là bị đơn được Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Phan Điền T1.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ngày 06/7/2015, Ủy ban nhân dân xã Tân Thanh, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn cho bà Trần Thị Tuyết T và ông Phan Điền T1 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Tuyết T và ông Phan Điền T1 là hợp pháp. Quá trình vợ chồng sống chung hạnh phúc thời gian đầu đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn do hai bên bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau; ông T1 cờ bạc, không lo làm ăn, nhậu nhẹt về hay đánh bà T. Tại phiên tòa ngày 14/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre; bà T đã rút yêu cầu khởi kiện đối với ông T1 để hàn gắn đoàn tụ, bà T cố gắng hàn gắn nhưng ông T1 không thay đổi. Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn với ông T1 nên không còn khả năng đoàn tụ. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông T1 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu ly hôn của bà T có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có cơ sở chấp nhận.

[3] Về việc nuôi con: Bà Trần Thị Tuyết T khai có một con chung tên là Phan Trung H, sinh ngày 03/11/2015 và hiện nay cháu H đang sống với bà T. Bà T yêu cầu là người được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi dưỡng cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Ông Phan Điền T1 từ khi sống ly thân với bà Trần Thị Tuyết T thì không nuôi dưỡng, chăm sóc con chung; hiện nay con chung do bà T nuôi dưỡng và đảm bảo tốt về mọi mặt. Xét yêu cầu được nuôi con của bà T là phù hợp theo quy định tại Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận để bà T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Thị Tuyết T không yêu cầu ông Phan Điền T1 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét đóng góp chi phí nuôi con đối với ông T1.

[5] Về tài sản chung: Bà Trần Thị Tuyết T khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà Trần Thị Tuyết T không tranh chấp nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì bà Trần Thị Tuyết T phải chịu là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

[8] Tại phiên tòa, đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56,

57 và Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Tuyết T đòi với ông Phan Điền T1. Bà Trần Thị Tuyết T được ly hôn với ông Phan Điền T1.

2. Về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Giao cho bà Trần Thị Tuyết T là người trực tiếp nuôi con chung tên là Phan Trung H, sinh ngày 03/11/2015. Ghi nhận bà Trần Thị Tuyết T không yêu cầu ông Phan Điền T1 cấp dưỡng nuôi con. Ông Phan Điền T1 là người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà Trần Thị Tuyết T khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Trần Thị Tuyết T không tranh chấp nên Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Bà Trần Thị Tuyết T phải nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0018368 ngày 01 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

6. Đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. Giồng Trôm, T. Bến Tre;
- Chi cục THADS H. Giồng Trôm, T. Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre (P. KTNV&THA);
- UBND X. Tân Thanh, H. Giồng Trôm, T. Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Kim Trường Sơn